

BÁO CÁO

**Tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí
trong sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ cho đầu tư xây dựng
cơ bản giai đoạn 2006 - 2012 của tỉnh Hưng Yên**

Kính gửi: Đoàn giám sát - Ủy ban thường vụ Quốc hội

Thực hiện Công văn số 299/ĐGS ngày 28/12/2012 của Đoàn giám sát - Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc chuẩn bị báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên xin báo cáo tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ cho đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2006 - 2012, cụ thể như sau:

I. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nguồn vốn trái phiếu Chính phủ từ giai đoạn 2006 - 2012

1. Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật trong hướng dẫn tổ chức thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong đầu tư xây dựng các dự án sử dụng ngân sách nhà nước

- Nghị quyết số 291/2011/NQ-HĐND ngày 09/12/2011 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành quy định về chế độ chi công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Hưng Yên.

- Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên về việc ban hành chương trình hành động của UBND tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2011 - 2015.

Căn cứ Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 29/11/2005; Quyết định số 25/2006/QĐ-TTg ngày 26/01/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình hành động của Chính phủ về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất và phù hợp với các văn bản đã ban hành của Bộ, ngành, Trung ương; trên cơ sở tình hình thực tế của địa phương, tỉnh đã xây dựng những mục tiêu và giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo tính khả thi của chương trình hành động.

2. Việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về trái phiếu Chính phủ từ năm 2006 - 2012.

a) Văn bản của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ ngành Trung ương

+ Nghị quyết số 881/UBTVQH12 ngày 04/01/2010 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ năm 2010.

+ Nghị quyết của Quốc hội: số 12/2011/QH13 ngày 09/11/2011 về kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015, số 28/2012/QH13 ngày 21/6/2012 về bổ sung một số dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015.

+ Các Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: số 473/NQ-UBTVQH13 ngày 27/3/2012 về kế hoạch phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015, số 495/NQ-UBTVQH13 ngày 18/5/2012 về kế hoạch phân bổ 5.500 tỷ đồng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2011-2015 cho các dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi.

+ Quyết định số 20/2008/QĐ-TTg ngày 01/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Kiên cố hóa trường, lớp học và nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012.

+ Quyết định số 47/2008/QĐ-TTg ngày 02/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện và bệnh viện đa khoa khu vực liên huyện sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ và các nguồn vốn hợp pháp khác giai đoạn 2008-2010.

+ Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thuê.

+ Quyết định số 70/2010/QĐ-TTg ngày 05/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung điều 4 của Quyết định số 65/2009/QĐ-TTg ngày 24/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về một số cơ chế, chính sách phát triển nhà ở cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề thuê.

+ Thông tư số 46/2008/TT-BTC ngày 06/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Đề án kiên cố hoá trường, lớp học và nhà ở công vụ giáo viên giai đoạn 2008-2012.

+ Thông tư số 28/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ.

+ Thông tư số 133/2007/TT-BTC ngày 14/11/2007 sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 28/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ.

+ Thông tư số 89/2009/TT-BTC ngày 29/4/2009 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 28/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 và Thông tư số 133/2007/TT-BTC ngày 14/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ.

+ Thông tư số 67/2010/TT-BTC ngày 22/4/2010 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 28/2007/TT-BTC ngày 03/4/2007 và Thông tư số 133/2007/TT-

BTC ngày 14/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc quản lý, cấp phát, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ.

+ Thông tư số 119/2008/TT-BTC ngày 08/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án y tế do địa phương quản lý theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH 12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội Khoá XII.

+ Thông tư số 115/2009/TT-BTC ngày 03/6/2009 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 119/2008/TT-BTC ngày 08/12/2008 của Bộ Tài chính quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư các dự án y tế do địa phương quản lý theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH 12 ngày 03/6/2008 của Quốc hội Khoá XII.

+ Thông tư số 114/2009/TT-BTC ngày 03/6/2009 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 46/2008/TT-BTC ngày 06/6/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng nguồn vốn thực hiện Đề án kiên cố hoá trường, lớp học và nhà ở công vụ giáo viên giai đoạn 2008-2012.

b) Văn bản quy phạm pháp luật do tỉnh ban hành:

+ Quyết định số 10/2011/QĐ-UBND ngày 27/6/2011 Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chương trình hành động của UBND tỉnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí giai đoạn 2011 - 2015.

Nhìn chung, các văn bản quy phạm pháp luật về trái phiếu Chính phủ của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, văn bản ban hành của cấp dưới phù hợp với văn bản ban hành của cấp trên. Tuy nhiên, việc thực hiện vốn trái phiếu Chính phủ còn một số bất cập trong phân bổ vốn của các bộ, ngành Trung ương đối với địa phương do những yếu tố tăng tổng mức đầu tư của dự án do nguyên nhân khách quan gây khó khăn trong việc cân đối, bố trí vốn cho các công trình, dự án.

II. Về tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006 - 2012

1. Đánh giá tình hình thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ cho đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2006 - 2012

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, kế hoạch và danh mục dự án đầu tư: Xác định rõ tầm quan trọng của chất lượng quy hoạch vì chất lượng quy hoạch gắn liền với chất lượng và hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội và hiệu quả vốn đầu tư, tỉnh Hưng Yên đã đẩy mạnh việc xây dựng các quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nói chung và quy hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực, đặc biệt là quy hoạch phát triển các ngành như giao thông, thủy lợi, giáo dục, y tế gắn liền với kế hoạch đầu tư các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn, trong đó có nguồn vốn trái phiếu Chính phủ, vừa đảm bảo chất lượng cao phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đã được duyệt, đồng thời chủ động điều chỉnh, bổ sung kịp thời các quy hoạch phù hợp với biến động thực tế, đảm bảo hiệu quả cao hơn về mặt kinh tế, xã hội, kỹ thuật, mỹ thuật.

- Công tác khảo sát, thiết kế, lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình: Các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ triển khai đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định, công tác khảo sát, thiết kế, lập, thẩm định dự án, thiết kế kỹ thuật, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình được đảm bảo đúng các qui định của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Việc thẩm định, phê duyệt dự án với suất vốn đầu tư theo quy định của Bộ xây dựng, lựa chọn đơn vị thiết kế có đủ năng lực, phê duyệt tổng dự toán, dự toán công trình vừa đảm bảo hiệu quả về mặt kinh tế nhưng vẫn đáp ứng đầy đủ các yêu tố về mặt kỹ thuật. Các bước trình tự thực hiện đảm bảo đầy đủ và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng công trình.

- Công tác lựa chọn nhà thầu, tổ chức tư vấn giám sát và hợp đồng xây dựng thực hiện dự án đầu tư: Công tác khoán thầu, đấu thầu, trình tự lập thẩm định, phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu được thực hiện đúng theo quy định của Luật đấu thầu, Nghị định của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn, đảm bảo đúng các quy định của Nhà nước và của tỉnh về đấu thầu. Các dự án được tổ chức đấu thầu lựa chọn từ các nhà thầu tư vấn lập dự án, tư vấn khảo sát thiết kế, tư vấn quản lý dự án, nhà thầu thi công xây dựng, mua sắm hàng hoá, tư vấn giám sát, kiểm toán,... được thực hiện công khai, minh bạch và bình đẳng. Nhiều gói thầu được tổ chức đấu thầu rộng rãi đảm bảo tính cạnh tranh và có giá chào thầu của nhà thầu giảm so với giá gói thầu được phê duyệt, qua đó góp phần tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.

- Công tác thực hiện dự án đầu tư, thi công công trình: Các công trình, dự án đầu tư được đẩy nhanh tiến độ thi công cơ bản hoàn thành kế hoạch vốn giao, Trong số các dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ thì các dự án có tiến độ triển khai nhanh thuộc lĩnh vực kiên cố hoá trường lớp học, xây dựng ký túc xá sinh viên, các trung tâm y tế tuyến huyện, các bệnh viện tuyến tỉnh, dự án giao thông và nhiều dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi, ...

- Công tác cấp, thanh toán và quyết toán vốn cho dự án đầu tư: Thủ tục thanh quyết toán, giải ngân vốn được cải thiện đáng kể, tỷ lệ ứng vốn được nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư và đơn vị thi công trong việc giải ngân vốn. Việc thanh quyết toán vốn đầu tư kịp thời, các dự án có khối lượng đều được thanh toán vốn trong kế hoạch nhanh và hiệu quả.

- Công tác bố trí nguồn vốn thực hiện dự án đầu tư:

+ Từ năm 2011 trở về trước tỉnh Hưng Yên đã chủ động phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ cho các dự án trong danh mục được Quốc hội thông qua đảm bảo các nguyên tắc tập trung ưu tiên bố trí vốn cho các dự án sớm hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng.

+ Kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn năm 2012-2015 và kế hoạch năm 2012 tỉnh Hưng Yên rà soát và báo cáo phương án đề xuất của tỉnh và sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư quyết định phân bổ, tỉnh quyết định thông báo danh mục, số vốn đối với từng dự án theo đúng quyết định của Trung ương. Nhìn chung các công trình, dự án được bố trí vốn tập trung hơn, ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các công trình đúng tiến độ.

- Công tác quản lý nhà nước về xây dựng: Nhằm thực hiện hiệu quả việc tiết kiệm, chống thất thoát lãng phí vốn, nâng cao hiệu quả công tác đầu tư xây dựng, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư xây dựng công trình, chú trọng công tác giám sát, đánh giá đầu tư, trong đó hoạt động giám sát của cộng đồng được tăng cường.

Trong giai đoạn 2006-2012, các công trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ không có công trình, không có dự án nào vi phạm các quy định trong các công tác nêu trên.

2. Đánh giá tình hình sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản giai đoạn 2006 - 2012

- Giai đoạn 2006-2012 tổng số dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư 212 dự án, trong đó: 20 dự án thủy lợi, 15 dự án y tế, 172 dự án kiên cố hoá trường lớp học, 1 dự án giao thông và 4 dự án nhà ở ký túc xá sinh viên. Tính đến hết 31/12/2012 đã có 161 dự án được hoàn thành, đạt tỷ lệ 75,9%, trong đó, 138 dự án thuộc Đề án kiên cố hóa trường, lớp học, 13 dự án thủy lợi, 6 dự án trung tâm y tế tuyến huyện và 4 dự án ký túc xá sinh viên. Trong tổng số các dự án được hoàn thành bao gồm có 4 dự án nhóm B và 157 dự án nhóm C (chưa có dự án nhóm A hoàn thành). Các dự án hoàn thành được bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng đều phát huy tốt hiệu quả vốn đầu tư, từng bước hoàn thiện cơ sở hạ tầng các ngành, lĩnh vực được đầu tư góp phần thiết thực trong việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng chung của tỉnh.

Các dự án sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ có tổng mức đầu tư lớn với thời gian thực hiện đầu tư kéo dài đều phải điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư. Có 13 trên tổng số 14 dự án thuộc lĩnh vực y tế, 16 trên tổng số 20 dự án thuộc lĩnh vực thủy lợi phải điều chỉnh tổng mức đầu tư. Nguyên nhân chính là do các dự án này đã được lập từ nhiều năm nay, khi triển khai thì giá của các vật tư, hàng hóa phục vụ cho xây dựng đều biến động lớn, giá đền bù GPMB cũng tăng cao so với khi lập dự án do chính sách đền bù thay đổi, chi phí nhân công, giá ca máy tăng trung bình 20% mỗi năm; một số công trình thủy lợi nằm trên các địa bàn khác nhau có thay đổi về hướng, tuyến để đáp ứng nhu cầu thực tế cần thiết phải điều chỉnh lại các chỉ tiêu kỹ thuật cho phù hợp do vậy nhiều dự án khi triển khai đều vượt tổng mức đầu tư của dự án, nên phải điều chỉnh dự án.

Tổng số vốn trái phiếu Chính phủ giải ngân đến 31/12/2012 của các dự án chi tiết theo Biểu số 1 gửi kèm. Các dự án đã được quyết định đầu tư thực hiện theo đúng mức vốn kế hoạch được giao. Việc thực hiện điều chuyển vốn trong nội bộ ngành, lĩnh vực phải báo cáo cấp có thẩm quyền kịp thời quyết định, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Trong số các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006 - 2012 của tỉnh Hưng Yên không có dự án nào hoàn thành vi phạm quy định của pháp luật về nhóm dự án, các dự án đều hoàn thành đảm bảo thời gian quy định như: Đối với dự án nhóm B thời gian thi công để hoàn thành trong 5 năm, dự án nhóm C hoàn thành trong 3 năm (chưa có quy định về thời gian hoàn thành đối với dự án nhóm A).

- Các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006 - 2012 của tỉnh Hưng Yên không có dự án đi vào hoạt động có hiệu quả thấp cần loại bỏ để bổ sung, thay thế các dự án có hiệu quả cao hơn.

- Tính đến hết 31/12/2012 tổng số dự án nợ vốn trái phiếu Chính phủ là 3 dự án với tổng số vốn 14,5 tỷ đồng, gồm: Dự án Trạm bơm Bảo Khê, dự án Bệnh viện Sản - Nhi và dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh. Nguyên nhân là do nhà thầu thi công vượt khối lượng so với kế hoạch vốn giao gây nên tình trạng nợ vốn đầu tư đối với các dự án chuyển tiếp. Tuy nhiên tình trạng đó sẽ được bố trí trả nợ vào kế hoạch vốn của năm sau. Chi tiết theo Biểu số 2 gửi kèm.

- Giai đoạn 2006 - 2012 không có công trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ phải tạm dừng, đình hoãn, giãn tiến độ thực hiện; chưa có công trình nào không chuyển đổi được hình thức đầu tư phải giãn tiến độ sau năm 2015.

- Công tác phân bổ kế hoạch vốn đảm bảo đúng mục tiêu theo quyết định giao kế hoạch của Chính phủ, bộ ngành, trung ương. Việc áp dụng và chấp hành các chính sách, chế độ quy định của Nhà nước, của ngành và địa phương cơ bản được đảm bảo. Các công trình, dự án được phân bổ vốn qua các năm đảm bảo theo nguyên tắc: Tập trung vốn bố trí cho các dự án chuyển tiếp hoàn thành đưa vào sử dụng trước 31/12 của năm trước năm kế hoạch nhưng chưa bố trí đủ vốn; chỉ phân bổ vốn đối với các dự án trong danh mục Nghị quyết của Quốc hội. Tuy nhiên, việc bố trí vốn mới chỉ đáp ứng một phần so với nhu cầu của các công trình, dự án lớn, trọng điểm của tỉnh, do đó cũng ảnh hưởng đến tiến độ triển khai và hoàn thành các dự án.

- Nhu cầu vốn để hoàn thành các công trình, dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ của tỉnh Hưng Yên là rất lớn, hiện tại số vốn đã phân bổ trong giai đoạn 2012 - 2015 mới đáp ứng được khoảng 56% so với tổng mức đầu tư được duyệt. Tổng số vốn dự kiến còn thiếu để hoàn thành các công trình, dự án sau giai đoạn 2012-2015 trên 3.300 tỷ đồng. Chi tiết theo Biểu số 3 gửi kèm.

- Hiện tại, qua các cuộc thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và giám sát tỉnh Hưng Yên chưa phát hiện thấy dấu hiệu gây thất thoát, lãng phí, tham nhũng trong việc sử dụng nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006-2012.

3. Đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006 - 2012

Việc triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006-2012 có nhiều thuận lợi, giá cả các nguyên, vật liệu xây dựng tuy có biến động, nhưng nhờ sự hỗ trợ của Chính phủ thông qua việc thực hiện các giải pháp kích cầu đầu tư nên các dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ của tỉnh Hưng Yên đã được triển khai nhanh, đảm bảo tiến độ và chất lượng theo quy định. Công tác thẩm định dự án, thiết kế kỹ thuật, khoán thầu, đấu thầu, thanh toán, quyết toán thực hiện đảm bảo đúng các qui định của Nhà nước và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản; thủ tục giải ngân cũng được cải thiện đáng kể, tỷ lệ ứng vốn được nâng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ đầu tư và đơn vị thi công trong việc giải ngân vốn. Trong số các dự án sử dụng nguồn

vốn trái phiếu Chính phủ thì các dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, xây dựng nhà ở sinh viên có tiến độ giải ngân nhanh và thi công hoàn thành đúng tiến độ; các công trình Y tế, Giao thông cũng đã triển khai nhanh và giải ngân theo đúng tiến độ.

Nguồn vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2006 - 2012 đã đầu tư được nhiều dự án trên các ngành lĩnh vực của tỉnh Hưng Yên, trong đó có những công trình trọng điểm, cấp bách phục vụ nhiệm vụ phòng chống lụt bão và phục vụ sản xuất nông nghiệp, các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện; ký túc xá sinh viên; kiên cố hóa trường, lớp học của tỉnh được hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác sử dụng phục vụ tốt nhu cầu học tập và khám chữa bệnh của nhân dân địa phương và các vùng lân cận; nhu cầu về nhà ở cho sinh viên; đặc biệt là đáp ứng tốt nhu cầu dạy và học của giáo viên và học sinh trên địa bàn. Với những kết quả đó, nguồn vốn trái phiếu Chính phủ có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc cải thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật của tỉnh, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự của địa phương.

III. Đề xuất, kiến nghị

1. Về quy định của Luật thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ và vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng cơ bản

- Trên cơ sở kế thừa các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, cần mở rộng phạm vi điều chỉnh so với Luật hiện hành đối với khu vực ngoài nhà nước nhằm tạo cơ sở pháp lý cho việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi thành phần kinh tế. Qua đó làm rõ hơn thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là trách nhiệm của toàn xã hội chứ không chỉ là trách nhiệm riêng của những tổ chức, cá nhân trong quản lý, sử dụng tài sản nhà nước. Đề nghị bổ sung thêm các quy định về việc xác định các mục tiêu, chỉ tiêu tiết kiệm, yêu cầu chống lãng phí để tăng tính khả thi và hiệu quả của Luật là hợp lý, khắc phục tình trạng bất cập của quy định hiện hành là cơ chế thực hiện thực hành tiết kiệm, chống lãng phí chỉ mang tính định tính, biện pháp cụ thể, chưa định lượng rõ ràng.

- Để tăng cường các biện pháp chống lãng phí một cách có hiệu quả thì một trong các điều kiện cần là hành vi lãng phí phải có thể được quy chiếu theo một nhóm tiêu chí cụ thể. Lượng hóa một mức độ lãng phí nghiêm trọng nào đó phải được coi là chiếm đoạt tài sản công vì mục đích tư lợi, là tham nhũng và phải có chế tài kỷ luật, chế tài hành chính xử lý theo quy định.

2. Về quản lý và sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ

- Thực hiện nghiêm túc các quy định được nêu tại Chỉ thị số 1792/CT-TTg ngày 15/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ; Chỉ thị số 19/CT-TTg ngày 18/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư từ ngân sách nhà nước 2013-2015, 2013 và kế hoạch đầu tư từ trái phiếu Chính phủ năm 2013; Công văn số 7356/BKHĐT-TH ngày 28/10/2011 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về tăng cường quản lý đầu tư từ ngân sách nhà nước và trái phiếu Chính phủ, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả trong việc sử dụng vốn.

- Việc đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước và vốn trái phiếu Chính phủ phải tập trung cho các dự án chuyển tiếp cần phải bố trí vốn để hoàn thành dứt điểm; chỉ đầu tư các dự án mới quan trọng, cấp thiết, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch của ngành, địa phương đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời tránh những chủ trương đầu tư không đúng quy hoạch, dàn trải, không tập trung khắc phục tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản của ngành và địa phương thuộc phạm vi quản lý.

- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ phạm vi, quy mô của từng dự án đầu tư theo đúng mục tiêu, lĩnh vực, chương trình đã phê duyệt, chỉ được quyết định đầu tư, bổ sung tổng mức đầu tư khi đã xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn ở từng cấp ngân sách.

- Nhằm thực hiện hiệu quả việc tiết kiệm, chống thất thoát lãng phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách nhà nước nói chung và vốn trái phiếu Chính phủ nói riêng một trong những nhiệm vụ trọng tâm là công tác giám sát, đánh giá đầu tư, trong đó hoạt động giám sát của cộng đồng giữ vai trò đặc biệt quan trọng.

- Đề nghị Quốc hội, Chính phủ bổ sung Dự án đường bộ nối giữa đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt từ năm 2010, được Chính phủ chấp thuận cho thực hiện đầu tư mới năm 2012. Đây là dự án lớn, rất quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên và các tỉnh lân cận, nhất là đối với Khu Đại học Phố Hiến. Phần đường bộ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có tổng mức đầu tư hơn 2.700 tỷ đồng. Đề nghị được bổ sung vào danh mục đầu tư nguồn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 và các nguồn khác để đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm đưa vào khai thác tuyến đường này.

- Dự án Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 200; Dự án củng cố, nâng cấp đê tả sông Hồng; Dự án cải tạo, nạo vét, thoát lũ khẩn cấp sông Cửu An- Đông Quê; Dự án cải tạo, nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Điện Biên; Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Sản- Nhi tỉnh Hưng Yên; Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên đều là những dự án chuyển tiếp lớn trọng điểm của tỉnh Hưng Yên đang được đầu tư từ nguồn vốn trái phiếu Chính phủ. Tuy nhiên theo kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2012-2015 Chính phủ giao các dự án này đều thiếu vốn so với tổng mức đầu tư được duyệt (mới đạt từ 40% đến 60%) nên các dự án trên đều không thể hoàn thành toàn bộ dự án để đưa vào khai thác sử dụng, phát huy hiệu quả đầu tư. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ tiếp tục xem xét đầu tư đủ vốn so với tổng mức đầu tư của dự án để các dự án sớm được hoàn thành.

- Các dự án thuộc Đề án kiên cố hoá trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên với suất đầu tư Chính phủ duyệt thấp 157 triệu đồng một phòng học, các dự án đầu tư xây dựng các trung tâm y tế tuyến huyện và bệnh viện đa khoa liên huyện Chính phủ cân đối vốn đầu tư phần xây lắp theo dự án ban đầu. Do đó quá trình triển khai tổng mức đầu tư của các dự án đều tăng do giá nguyên vật liệu, nhiên liệu, giá nhân công, ca máy tăng lên do vậy tỉnh không có nguồn để cân đối được. Đề nghị Quốc hội, Chính phủ xem xét hỗ trợ đầu tư đối với các

dự án thuộc hai chương trình nêu trên để Đề án kiên cố hoá trường lớp học và nhà ở công vụ giáo viên và Chương trình đầu tư nâng cấp các trung tâm y tế các huyện của tỉnh Hưng Yên sớm được hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng phục vụ việc dạy và học, khám chữa bệnh cho nhân dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên báo cáo Đoàn giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội. *✓*

Nơi nhận:

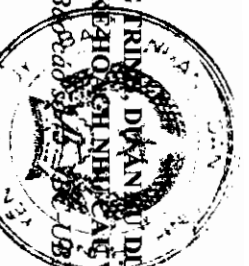
- Như kính gửi;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở: KHĐT, TC, NN và PTNT, GTVT, GDĐT, Y Tế; Kho bạc tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CV: TH^T.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Thơi
Nguyễn Xuân Thơi

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH DỰ ÁN DỰNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ GIAI ĐOẠN 2006-2012,
KẾ HOẠCH NHU CẦU VỐN TRONG GIAI ĐOẠN 2013-2015
 (Kèm theo Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 08/01/2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)



Biểu số 1

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Ngày khởi công	Thời gian dự kiến hoàn thành	Thời gian thực tế hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh						Số vốn đã bố trí đến thời điểm 31/12/2012	Trong đó:		Nhu cầu vốn TPCP để hoàn thành sau thời điểm 31/12/2012
					Tổng cộng	Trong đó:	Tổng cộng	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:	Trong đó:					
						Nguyên vốn TPCP	Nguyên vốn khác		Nguyên vốn TPCP	Do trượt giá	Do quy mô	Nguyên vốn khác		Nguyên vốn TPCP	Nguyên vốn khác		
1	2	3	4	5	7	8	9	11	12	13	14	15	16	17	18	19=12-17	
	HUNG YÊN				3.623.181	3.576.018	26.000	8.626.230	7.937.979	6.927.567	0	460.200	2.278.730	1.887.981	397.367	6.205.099	
I	Giao thông				410.000	410.000		974.235	974.235	974.235			290.000	290.000	0	684.235	
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 200		2007-2010	2013	410.000	410.000		974.235	974.235	974.235	0		290.000	290.000	0	684.235	
II	Thủy lợi				3.213.181	3.166.018	26.000	4.595.651	4.519.661	4.472.942	0	63.927	1.024.771	928.137	96.634	3.609.539	
1	Sông Từ Hà - Sài Thị		2006-2007	2011	8.650	1.400		9.500	1.400	1.400	0		7.420	1.400	6.020	0	
2	Sông Quảng Lăng		2006-2007	2011	6.290	6.290					0		5.051	461	4.590	0	
3	Sông Ngưu Giang		2009-2010	2011	4.572	4.572					0		4.572	3.694	878	0	
4	Sông Tam Bá Hiền		2006-2007	2011	6.920	6.043					0		5.748	4.461	1.287	0	
5	Sông Bàn Vũ Xá		2005-2007	2011	7.950	7.950		9.631	9.600	9.600	0		6.338	740	5.598	8.860	
6	Sông Lương Tài		2007-2008	2012	9.760	7.000		12.328	12.328	2.568	0		9.576	8.276	1.300	2.752	
7	Trạm bơm Văn Phú		2007-2008	2012	11.560	5.000					0		8.390	1.700	6.690	3.170	
8	Trạm bơm Tân Cầu		2007-2008	2011	7.540	7.540		13.570	13.570	13.570	0		8.671	6.015	2.656	7.555	
9	Trạm bơm Lương Tài (giai đoạn 1)		2008-2009	2011	5.740	2.024		5.956	2.024	2.024	0		4.429	998	3.431	0	
10	Trạm bơm Lương Tài (giai đoạn 2)		2009-2010	2012	9.489	9.489		12.584	12.584	3.095	0		10.253	9.996	257	2.588	

TT	Tên dự án, công trình	Ngày khởi công	Thời gian dự kiến hoàn thành	Thời gian thực tế hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh						Số vốn đã bố trí đến thời điểm 31/12/2012			Nhu cầu vốn TPCP để hoàn thành sau thời điểm 31/12/2012		
					Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Nguồn vốn TPCP	Trong đó:		Tổng cộng	Nguồn vốn TPCP	Trong đó:		Tổng cộng		Nguồn vốn TPCP	Nguồn khác
						Nguồn vốn TPCP	Nguồn khác			Do trượt giá	Do quy mô			Nguồn vốn khác	Nguồn vốn TPCP				
1	2	3	4	5	7	8	9	11	12	13	14	15	16	17	18	19=12-17			
11	Sông 61		2009-2010	2011	11.147	11.147		15.726	15.726	15.726	0	0	13.267	13.267	0	2.459			
12	Trung thủy nông Nhân Hoà		2009-2010	2011	13.010	13.010		13.000	13.000	13.000	0	0	11.089	11.089	0	0			
13	Cụm công trình đầu mối trạm bơm Bảo Khê, thành phố Hưng Yên		2007-2010	2012	53.160	53.160		110.034	104.307	89.665	0	5.727	84.727	79.000	5.727	25.307			
14	Trạm bơm Văn Phú (GDII)		2010-2011	2012	16.965	16.965		29.793	29.793	16.965	0	0	16.965	16.965	0	12.828			
15	Kè sông Hoà Bình, huyện Phù Cù		2006-2007	2012	35.000	18.000	17.000	59.834	28.284	28.284	0	31.550	55.550	24.000	31.550	4.284			
16	Kè sông Hoà Bình, huyện Tiên Lữ		2006-2007	2012	25.000	16.000	9.000	49.772	23.122	23.122	0	26.650	45.430	18.780	26.650	4.342			
17	Trạm bơm Tam Đô		2008-2009	2012	29.910	29.910		41.879	41.879	41.879	0	0	36.210	36.210	0	5.669			
18	Dự án củng cố, nâng cấp đê tả sông Hồng K76+894 đến K124+824		2009-2013	2013	1.536.664	1.536.664		2.766.870	2.766.870	2.766.870	0	0	411.509	411.509	0	2.355.361			
19	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Cửu An - Đông Quê		2009-2010	2013	550.575	550.575		906.618	906.618	906.618	0	0	145.000	145.000	0	761.618			
20	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Điện Biên		2009-2011	2013	863.279	863.279		538.556	538.556	538.556	0	0	125.810	125.810	0	412.746			
III	Ngành y tế				753.471	743.221	0	2.216.227	2.012.849	1.269.628	0	0	391.813	317.216	81.215	1.657.172			
A	Bệnh viện y tế tuyến huyện				384.530	384.530	0	811.047	811.047	426.517	0	0	191.384	166.173	31.829	606.413			
1	Trung tâm y tế Văn Giang		2008-2010	2012	23.100	23.100		26.632	26.632	3.532			8.500	8.500	0	18.132			
2	Trung tâm y tế Văn Lâm		2008-2010	2012	20.200	20.200		20.705	20.705	505			13.275	13.275	0	7.400			

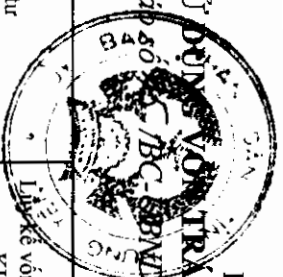
TT	Tên dự án, công trình	Ngày khởi công	Thời gian dự kiến hoàn thành	Thời gian thực tế hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu				Quyết định đầu tư điều chỉnh						Số vốn đã bố trí đến thời điểm 31/12/2012				Nhu cầu vốn TPPCP để hoàn thành sau thời điểm 31/12/2012
					Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Nguồn vốn TPPCP	Trong đó:		Nguồn vốn khác	Tổng cộng	Trong đó:		Nguồn vốn khác			
						Nguồn vốn TPPCP	Nguồn vốn khác			Do trượt giá	Do quy mô			Nguồn vốn TPPCP	Nguồn vốn khác				
1	2	3	4	5	7	8	9	11	12	13	14	15	16	17	18	19=12-17			
3	Trung tâm y tế Mỹ Hào		2008-2009	2011	17.450	17.450		17.860	17.860	410			16.920	11.989	4.931	0			
4	Trung tâm y tế Yên Mỹ		2008-2010	2012	16.500	16.500		18.043	18.043	1.543			12.498	12.498	0	5.500			
5	Trung tâm y tế Khoái Châu		2008-2010	2012	41.320	41.320		41.320	41.320	0			15.809	11.809	4.000	25.511			
6	Trung tâm y tế Ân Thi		2008-2010	2011	23.100	23.100		25.620	25.620	2.520			23.540	17.820	5.720	0			
7	Trung tâm y tế Kim Động		2008-2010	2011	16.950	16.950		18.030	18.030	1.080			16.500	13.000	3.500	0			
8	Trung tâm y tế Tiên Lữ		2008-2010	2011	26.830	26.830		26.830	26.830	0			18.205	13.500	4.705	0			
9	Trung tâm y tế Phù Cừ		2009-2010	2012	33.700	33.700		35.657	35.657	1.957			10.474	8.474	2.000	25.183			
10	Bệnh viện đa khoa Phố Nối		2008-2012	2015	100.000	100.000		472.500	472.500	372.500			31.163	24.190	6.973	441.337			
11	Trang thiết bị y tế của Trung tâm y tế huyện		2008-2012	2013	65.380	65.380		107.850	107.850	42.470			24.500	24.500	0	83.350			
B	Bệnh viện tỉnh				368.941	358.691		1.405.180	1.201.802	843.111	0	0	200.429	151.043	49.386	1.050.759			
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên (GD II)	2007	2006-2010	2012	55.250	45.000		764.968	621.518	576.518			81.000	51.114	29.886	540.518			
2	Bệnh viện Lao và bệnh Phổi tỉnh Hưng Yên	2008	2008-2010	2011	5.780	5.780		13.541	13.541	7.761			11.952	11.952	0	0			
3	Bệnh viện Tâm thần kinh	2008	2008-2010	2011	7.911	7.911		16.743	16.743	8.832			14.445	11.945	2.500	0			

TT	Tên dự án, công trình	Ngày khởi công	Thời gian dự kiến hoàn thành	Thời gian thực tế hoàn thành	Quyết định đầu tư ban đầu			Quyết định đầu tư điều chỉnh						Số vốn đã bố trí đến thời điểm 31/12/2012			Nhu cầu vốn TPCP để hoàn thành sau thời điểm 31/12/2012		
					Tổng cộng	Trong đó:		Tổng cộng	Nguồn vốn TPCP	Trong đó:		Tổng cộng	Nguồn vốn TPCP	Trong đó:		Tổng cộng		Nguồn vốn TPCP	Nguồn khác
						Nguồn vốn TPCP	Nguồn khác			Do trượt giá	Do quy mô			Nguồn vốn TPCP	Nguồn khác				
1	2	3	4	5	7	8	9	11	12	13	14	15	16	17	18	19=12-17			
4	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên	2010	2009-2012	2015	300.000	300.000		609.928	550.000	250.000	0		93.032	76.032	17.000	456.968			
IV	Kiên cố hóa trường lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên	2008	2008-2013	2013	451.700	180.680	271.020	660.455	264.182	208.755	0	396.273	408.869	189.528	219.341	251.586			
V	Ký túc xá sinh viên				177.655	163.106	0	179.662	167.052	2.007	0	0	163.277	163.100	177	2.567			
1	KTX C2, Trường Cao đẳng sư phạm Hưng Yên	2009	2009-2010	2010	15.001	15.001		15.249	15.249	248	0		15.017	15.017	0	0			
2	KTX C3, Trường Cao đẳng sư phạm Hưng Yên	2009	2009-2010	2010	7.383	7.383		8.336	8.336	953	0		7.183	7.183	0	0			
3	KTX sinh viên cụm trường khu vực thành phố Hưng Yên	2009	2009-2010	2011	88.477	80.000		89.283	82.745	806	0		81.177	81.000	177	1.745			
4	KTX sinh viên Trường Cao đẳng Công nghiệp Hưng Yên	2009	2009-2010	2012	66.794	60.722		66.794	60.722	0	0		59.900	59.900	0	822			

TÌNH HÌNH NỢ ĐÓNG XDCB CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ TỈNH ĐẾN HẾT NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

(Kèm theo Báo cáo số 40/BC-UBND ngày 20/01/2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị: Triệu đồng



Biểu số 2

Quyết định đầu tư

Lũy kế vốn đã bố trí đến
KH 2012

Lũy kế khối lượng
thực hiện từ KC
đến 31/12/2012

Lũy kế giải ngân từ KC
đến 31/12/2012

Số nợ đọng xây dựng cơ
bản đến ngày 31/12/2012

Dự kiến kế hoạch năm
2013

TT	Danh mục dự án	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TP	Các nguồn vốn khác	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: TP	Các nguồn vốn khác	Số nợ đọng xây dựng cơ bản đến ngày 31/12/2012	Dự kiến kế hoạch năm 2013	Các nguồn vốn khác
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TP	Các nguồn vốn khác															
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	
	TỔNG SỐ			1.636.415	1.359.629	276.786	382.948	285.125	97.823	420.721	299.625	361.948	269.125	92.823	14.500	14.500	0	161.740	156.740	5.000	
1	NGÂN HÀNG LỢI			261.519	197.655	63.864	221.917	157.990	63.927	247.690	166.490	221.917	157.990	63.927	8.500	8.500	0	24.740	24.740	0	
2	Các dự án đang triển khai thực hiện			261.519	197.655	63.864	221.917	157.990	63.927	247.690	166.490	221.917	157.990	63.927	8.500	8.500	0	24.740	24.740	0	
1	Cum công trình đầu mối trạm bơm Bảo Khê, thành phố Hưng Yên	2007-2010	1441/QĐ-UBND ngày 14/7/2010	110.034	104.370	5.664	84.727	79.000	5.727	105.000	82.000	84.727	79.000	5.727	3.000	3.000	0	10.665	10.665	0	
2	Kè sông Hoà Bình, huyện Phú Cù	2006-2007	2021/QĐ-UBND ngày 15/10/2010	59.834	28.284	31.550	55.550	24.000	31.550	57.750	26.200	55.550	24.000	31.550	2.200	2.200	0	4.284	4.284	0	
3	Kè sông Hoà Bình, huyện Tiên Lữ	2006-2007	714/QĐ-UB ngày 26/4/2011	49.772	23.122	26.650	45.430	18.780	26.650	47.230	20.580	45.430	18.780	26.650	1.800	1.800	0	4.122	4.122	0	
4	Trạm bơm Tam Đô	2008-2009	1841/QĐ-UBND ngày 14/9/2009	41.879	41.879	0	36.210	36.210	0	37.710	37.710	36.210	36.210	0	1.500	1.500	0	5.669	5.669	0	
II	NGÂN HÀNG Y TẾ			1.374.896	1.161.974	212.922	161.031	127.135	33.896	173.031	133.135	140.031	111.135	28.896	6.000	6.000	0	137.000	132.000	5.000	
a	Các dự án đang triển khai thực hiện			1.374.896	1.161.974	212.922	161.031	127.135	33.896	173.031	133.135	140.031	111.135	28.896	6.000	6.000	0	137.000	132.000	5.000	
1	Dự án đầu tư và mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên	2009-2012	1072/QĐ-UBND ngày 04/6/2009, 1108/QĐ-UBND ngày 13/7/2011	609.928	550.000	59.928	81.031	76.031	5.000	86.031	79.031	67.531	67.531	0	3.000	3.000	0	107.000	102.000	5.000	
2	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên (GDII)	2006-2010	2200/QĐ-UBND ngày 31/10/2006, 2533/QĐ-UBND ngày 8/12/2008, 1070/QĐ-UBND ngày 01/7/2011	764.968	611.974	152.994	80.000	51.104	28.896	87.000	54.104	72.500	43.604	28.896	3.000	3.000	0	30.000	30.000	0	

Biểu số 3

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH SAU KHI RÀ SOÁT, ĐƯỢC CHUYỂN TIẾP TỰC SỬ DỤNG VỐN TPCP GIAI ĐOẠN 2012-2015

(Kèm theo Báo cáo số 15 /BC-UBND ngày 30/01/2013 của UBND tỉnh Hưng Yên)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án, công trình	Ngày khởi công	Thời gian dự kiến hoàn thành	Thời gian thực tế hoàn thành	Tổng mức đầu tư ban đầu	Tổng mức đầu tư điều chỉnh			Số vốn TPCP dự kiến được bố trí trong giai đoạn 2012-2015	Số vốn còn thiếu sau năm 2015
						Tổng số	Do trượt giá	Do quy mô		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
TỔNG SỐ										
I	Giao thông				4.327.503	7.512.942	6.421.467	27.470	2.497.605	3.394.544
1	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 200		2007-2010	2.013	410.000	974.235	974.235	0	378.000	396.235
II	Thuỷ lợi				3.110.553	4.503.356	4.411.959	27.470	1.753.864	2.113.977
1	Cụm công trình đầu mối trạm bơm Bảo Khê, thành phố Hưng Yên		2007-2010	2.012	53.160	110.034	89.665	14.642	45.665	14.642
2	Trạm bơm Văn Phú		2010-2011	2.012	16.965	29.793	16.965	12.828	3.752	12.828
3	Kè sông Hoà Bình, huyện Phù Cừ		2006-2007	2.012	35.000	59.834	28.284		14.284	0
4	Kè sông Hoà Bình, huyện Tiên Lữ		2006-2007	2.012	25.000	49.772	23.122	0	14.122	0
5	Trạm bơm Tam Đô		2008-2009	2.012	29.910	41.879	41.879	0	17.823	0
6	Dự án củng cố, nâng cấp đê tả sông Hồng K76+894 đến K124+824		2009-2013	2.013	1.536.664	2.766.870	2.766.870	0	1.098.000	1.257.361
7	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Cừ An - Đồng Quê		2009-2010	2.013	550.575	906.618	906.618	0	352.000	534.618
8	Nạo vét thoát lũ khẩn cấp sông Điện Biên		2009-2011	2.013	863.279	538.556	538.556	0	208.218	294.528

TT	Tên dự án, công trình	Ngày khởi công	Thời gian dự kiến hoàn thành	Thời gian thực tế hoàn thành	Tổng mức đầu tư ban đầu	Tổng mức đầu tư điều chỉnh					Số vốn TP/CP dự kiến được bố trí trong giai đoạn 2012-2015	Số vốn còn thiếu sau năm 2015
						Tổng số	Trong đó:		Do quy mô	10		
1	2	3	4	5	6		7	8			9	
III	Ngành Y tế				355.250	1.374.896	826.518	0	320.000	678.487		
1	Bệnh viện đa khoa tỉnh Hưng Yên	2007	2006-2010	2012	55.250	764.968	576.518	0	70.000	471.518		
2	Dự án đầu tư xây dựng mua sắm trang thiết bị y tế Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Hưng Yên	2010	2009-2012	2015	300.000	609.928	250.000	0	250.000	206.969		
IV	Kiến cổ hóa trường lớp học và nhà ở công vụ cho giáo viên	2008	2008-2013	2013	451.700	660.455	208.755	0	45.741	205.845		